

ĐỔI MỚI TƯ DUY XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

- NHÌN TỪ YÊU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM

■ **GS.TS. VŨ CÔNG GIAO***

Đặt vấn đề

Theo nghĩa khái quát, tư duy là một quá trình nhận thức về bản chất của sự vật, hiện tượng mà chúng ta chưa biết, qua đó, giúp giải quyết cả những vấn đề trước mắt và lâu dài. Từ khái niệm tư duy, có thể hiểu, tư duy xây dựng pháp luật là quá trình tìm hiểu bản chất của hoạt động xây dựng pháp luật, giúp xác định phương hướng, biện pháp ban hành, sửa đổi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của quốc gia. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật chính là việc điều chỉnh nhận thức về xây dựng pháp luật, từ đó, điều chỉnh phương hướng, biện pháp ban hành, sửa đổi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của quốc gia phù hợp với yêu cầu đặt ra trong mỗi giai đoạn lịch sử.

Xét một cách khái quát, ý tưởng, quyết tâm và nội dung đổi mới tư duy xây dựng pháp luật phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có hai yếu tố đặc biệt quan trọng là yêu cầu về xây dựng Nhà nước pháp

quyền và yêu cầu thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực của xã hội. Ở Việt Nam, quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền và thúc đẩy đổi mới sáng tạo đã được khẳng định và cụ thể hóa trong nhiều văn kiện của Đảng gần đây. Bối cảnh đó đòi hỏi phải đổi mới tư duy xây dựng pháp luật để hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong xã hội trong giai đoạn mới ở nước ta.

Bài viết phân tích, làm rõ mối liên hệ giữa đổi mới tư duy xây dựng pháp luật và các yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong xã hội; tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền và thúc đẩy đổi mới sáng tạo - với tính chất là nền tảng lý luận và chính trị cho việc đổi mới tư duy xây dựng pháp luật; thực trạng và phương hướng đổi mới tư duy xây dựng

* Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

pháp luật để đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở nước ta hiện nay.

1. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật - Nhìn từ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền

Nhà nước pháp quyền là mô hình nhà nước tiên bộ, hàm chứa những giá trị phổ quát, được kết tinh, chọn lọc qua các giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại. Đây là mô hình nhà nước có thể thích ứng với nhiều chế độ chính trị, trong đó có chế độ chính trị - xã hội chủ nghĩa. Ở các chế độ chính trị khác nhau, Nhà nước pháp quyền bao hàm những giá trị phổ quát, đồng thời, chứa đựng những giá trị đặc thù của chế độ chính trị đó. Một trong những giá trị phổ quát của Nhà nước pháp quyền là thượng tôn pháp luật. Trong lý luận về Nhà nước pháp quyền, giá trị phổ quát này không chỉ đòi hỏi quốc gia phải có một hệ thống pháp luật, mà còn gồm những đòi hỏi khác liên quan đến nội dung, chất lượng và quy trình xây dựng hệ thống pháp luật.

Khái niệm “Nhà nước pháp quyền” ở Việt Nam được hiểu theo nghĩa tương

đương với khái niệm “the rule of law” trong các tài liệu học thuật tiếng Anh. Theo Từ điển Oxford, “the rule of law” được định nghĩa là: “... sự hạn chế việc sử dụng quyền lực tùy tiện bằng cách ràng buộc quyền lực vào những đạo luật được xây dựng rõ ràng, chặt chẽ”¹. Điều này hàm ý rằng, trong Nhà nước pháp quyền, việc có luật pháp là chưa đủ, mà còn phải có một quy trình lập pháp tốt. Liên hợp quốc nêu ra một định nghĩa bao trùm, đặt ra nhiều yêu cầu hơn với pháp luật, theo đó, “the rule of law” là “... một nguyên tắc quản trị mà trong đó tất cả mọi cá nhân, tổ chức, thiết chế, cả công và tư, kể cả các nhà nước, đều phải tuân thủ pháp luật mà được công bố công khai, được áp dụng bình đẳng và được phán định một cách độc lập, phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế. Pháp quyền đồng thời đòi hỏi các biện pháp bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc thượng tôn pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, công bằng trong áp dụng pháp luật, phân chia quyền lực, sự tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định, tính tin cậy pháp lý, phòng chống sự tùy tiện và tính minh bạch của pháp luật và thủ tục”². Như vậy,

1. OED, https://en.oxforddictionaries.com/definition/rule_of_law, truy cập ngày 02/12/2024.

2. UN Security Council (2004), “*The rule of law and transitional justice in conflict and post-conflict societies: report of the Secretary-General*”, đoạn 6, <http://www.refworld.org/docid/45069c434.html>, truy cập ngày 02/12/2024.

thông qua định nghĩa của Liên hợp quốc cho thấy, trong Nhà nước pháp quyền không chỉ cần khẳng định vị trí của pháp luật như là một giá trị tối thượng mà mọi chủ thể trong xã hội, gồm cả người dân và Nhà nước, đều phải tuân thủ, mà còn phải xác định bản chất của pháp luật là đại lượng bảo vệ công lý và quyền con người. Bên cạnh đó, Nhà nước pháp quyền còn đòi hỏi bảo đảm tính phù hợp của pháp luật, thể hiện ở việc pháp luật cần phải được xây dựng theo một quy trình dân chủ, công khai, có sự tham gia của người dân và nội dung của pháp luật phải phản ánh những quy tắc dân chủ cơ bản được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi³. Những yếu tố này gắn kết với nhau và đều là những yêu cầu không thể thiếu của Nhà nước pháp quyền, vì thế, chi phối tư duy xây dựng pháp luật trong Nhà nước pháp quyền.

Những yếu tố trên cũng được đề cập bởi Dự án Công lý Thế giới (WJP), khi xem “the rule of law” là “một hệ thống/ cơ chế mà trong đó không một chủ thể nào, kể cả Nhà nước, được đứng trên pháp luật; nơi mà pháp luật bảo vệ các quyền cơ bản và tất cả mọi người đều có

thể tiếp cận với công lý”⁴. Tương tự như Liên hợp quốc, định nghĩa này của WJP đã mở rộng yêu cầu về pháp luật trong Nhà nước pháp quyền, theo đó, pháp luật phải nhằm bảo vệ các quyền con người và tạo khả năng để mọi người đều có thể tiếp cận công lý. Không chỉ vậy, WJP còn xác định những nguyên tắc và yếu tố đánh giá mức độ pháp quyền của một quốc gia, qua đó, gợi mở những yêu cầu cụ thể hơn về pháp luật và tư duy xây dựng pháp luật. Cụ thể, WJP xem pháp quyền là một hệ thống gắn kết của các luật, thể chế, chuẩn mực và cam kết cộng đồng xoay quanh 04 nguyên tắc phổ quát (universal principles) đó là⁵: (i) accountability: trách nhiệm giải trình trước pháp luật hay nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của Nhà nước và các chủ thể khác trong xã hội; (ii) just law: pháp luật phù hợp, chính đáng, thể hiện qua sự rõ ràng, công khai, công bằng, ổn định, được áp dụng một cách bình đẳng và bảo vệ các quyền cơ bản của con người; (iii) accessible and impartial justice: có thiết chế bảo vệ công lý độc lập, đủ thẩm quyền, kịp thời, không thiên vị và dễ tiếp cận với mọi chủ thể trong xã hội; (iv) open government: chính quyền mở,

3. Geoffrey de Q. Walker (1988), *“The Rule of Law: Foundation of Constitutional Democracy”*, Melbourne: Melbourne University Press.

4. World Justice Project, *“What is the Rule of Law?”*, <https://worldjusticeproject.org/about-us/overview/what-rule-law>, truy cập ngày 02/12/2024.

5. World Justice Project, *tlđđ*.

thể hiện qua sự công khai, minh bạch trong mọi hoạt động xây dựng, thực hiện và xử lý vi phạm pháp luật. Dựa trên 04 nguyên tắc phổ quát đó, WJP phát triển bộ chỉ số pháp quyền (WJP Rule of Law Index) để đánh giá mức độ pháp quyền của các quốc gia mà hiện được sử dụng rộng rãi trên thế giới⁶, gồm 08 nhóm yếu tố (factors): sự hạn chế quyền lực của chính quyền (constraints on government powers); không có tham nhũng (absence of corruption); chính quyền mở (open government); các quyền con người cơ bản (fundamental rights); xã hội trật tự và an ninh (order and security); thực thi pháp luật (regulatory enforcement); tư pháp dân sự (civil justice); tư pháp hình sự (criminal justice). Các nhóm chỉ số này lại gồm nhiều chỉ số nhỏ (tổng cộng 44 chỉ số)⁷, đòi hỏi phải “mở rộng” tư duy xây dựng pháp luật tới mọi vấn đề của xã hội. Quan trọng hơn, Bộ chỉ số pháp quyền của WJP gợi mở một cách tiếp cận mới về tư duy pháp lý, trong đó, mở rộng nguồn của pháp luật đến cả những quy phạm xã hội mà trong những bối cảnh nhất định, Nhà nước có thể chấp nhận để điều chỉnh các quan hệ xã hội mà không cần thiết phải

ban hành những quy phạm pháp luật mới. Ví dụ, khi đề cập đến tư pháp dân sự, Chỉ số pháp quyền của WJP có các tiêu chí để đo lường mức độ người dân có thể giải quyết những tranh chấp hay bất bình của họ một cách hiệu quả thông qua hệ thống tư pháp của Nhà nước và cả các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế mang tính chất truyền thống của cộng đồng⁸.

Lý luận về Nhà nước pháp quyền đặt ra những yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng mở rộng quan niệm về pháp luật cả về bề rộng và chiều sâu. Ở chiều cạnh thứ nhất, Nhà nước pháp quyền cần có một hệ thống pháp luật “uyển chuyển” để thích ứng và điều chỉnh một cách hiệu quả và hợp lý những quan hệ xã hội rộng lớn, đa dạng. Hệ thống pháp luật đó gồm nhiều nguồn, từ pháp luật quốc gia, pháp luật quốc tế, các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và các quy tắc cư xử trong cộng đồng do Nhà nước thừa nhận và/hoặc áp dụng. Ở chiều cạnh thứ hai, Nhà nước pháp quyền đòi hỏi hệ thống pháp luật phải được xây dựng theo một quy trình dân chủ, công khai, minh bạch, có sự tham gia của người dân, bảo đảm sự ổn định, thống nhất và công bằng khi áp dụng

6. World Justice Project, *tlđđ*.

7. WJP, “*WJP Rule of Law Index Factors*”, <https://worldjusticeproject.org/rule-of-law-index/factors/2022>, truy cập ngày 02/12/2024.

8. WJP, “*Civil Justice*”, <https://worldjusticeproject.org/rule-of-law-index/factors/2020/Civil%20Justice/>, truy cập ngày 02/12/2024.

pháp luật; nội dung của pháp luật phải phù hợp với các giá trị, tiêu chuẩn phổ quát của cộng đồng quốc tế và phải nhằm bảo vệ công lý cùng các quyền con người cơ bản.

2. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật - Nhìn từ yêu cầu về đổi mới sáng tạo

Đổi mới sáng tạo là khái niệm rộng, có thể gắn với nhiều lĩnh vực, bối cảnh. Theo nghĩa khái quát, có thể hiểu, đây là quá trình tạo ra hoặc cải tiến những mô hình tổ chức, hoạt động hay phương pháp làm việc mới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả, qua đó, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ với số lượng nhiều và giá trị cao hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Để có thể xem là đổi mới sáng tạo, cần phải đáp ứng những yêu cầu cơ bản như: tính mới, thể hiện qua sự khác biệt của ý tưởng hoặc giải pháp so với cách làm truyền thống; tính ứng dụng, thể hiện qua khả năng triển khai thực hiện trong thực tế và tạo ra giá trị của ý tưởng hoặc giải pháp; tính hiệu quả, thể hiện qua thực tế là ý tưởng hoặc giải pháp góp phần nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí hoặc giải quyết vấn đề một cách tối ưu hơn.

Trong thế giới hiện đại, đổi mới sáng tạo là yêu cầu thường trực, quyết định sự sống còn, phát triển của mọi chủ thể trong mọi xã hội. Để thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở một quốc gia, cần phải có quyết tâm chính trị mạnh mẽ của đảng cầm quyền và

sự nỗ lực chung tay đóng góp của mọi chủ thể trong xã hội. Đặc biệt, pháp luật cần đóng vai trò là công cụ trong việc tạo điều kiện, bảo vệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở cấp quốc gia. Một hệ thống pháp luật tốt không chỉ bảo đảm quyền lợi cho các cá nhân và doanh nghiệp sáng tạo mà còn giúp xây dựng môi trường thuận lợi để đổi mới trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, pháp luật cần bảo đảm thiết lập một hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch và ổn định, từ đó, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển (R&D) và ứng dụng công nghệ. Pháp luật cũng cần bảo vệ hiệu quả các phát minh, sáng chế, thương hiệu, giúp cá nhân và doanh nghiệp yên tâm đầu tư vào đổi mới. Không chỉ vậy, Nhà nước có thể sử dụng pháp luật để khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu khoa học và công nghệ, thúc đẩy sự hợp tác giữa doanh nghiệp và trường đại học, viện nghiên cứu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn. Pháp luật cũng có thể hỗ trợ chuyển đổi số, áp dụng công nghệ mới vào nền kinh tế bằng cách nêu ra những định hướng phát triển trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ chuỗi khối (Blockchain) trong kinh tế và hành chính công, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số vào kinh doanh, thúc đẩy số hóa trong quản lý nhà nước,

giúp giảm quan liêu và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Pháp luật tạo ra môi trường bình đẳng, minh bạch và cạnh tranh lành mạnh để doanh nghiệp đổi mới phát triển, ngăn chặn các tập đoàn lớn kìm hãm sự đổi mới bằng cách thao túng thị trường, bảo vệ doanh nghiệp nhỏ và startup có cơ hội cạnh tranh công bằng, thu hút và giữ chân nhân lực sáng tạo thông qua chính sách thị thực, đãi ngộ hợp lý. Pháp luật cũng là công cụ giúp quốc gia mở rộng hợp tác khoa học và công nghệ với thế giới, tạo điều kiện nhập khẩu công nghệ cao từ nước ngoài, thu hút nhân tài quốc tế về làm việc ở nước mình.

Pháp luật không chỉ bảo vệ mà còn là công cụ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, giúp quốc gia phát triển bền vững và cạnh tranh trên toàn cầu. Một hệ thống pháp luật tốt sẽ tạo điều kiện để doanh nghiệp, nhà khoa học, startup và Chính phủ cùng nhau xây dựng một nền kinh tế sáng tạo mạnh mẽ. Tất cả những vấn đề này đòi hỏi các cơ quan xây dựng pháp luật, các nhà lập pháp cũng phải có tầm nhìn và tư duy đổi mới sáng tạo, bởi nếu không như vậy thì sản phẩm của hoạt động xây dựng pháp luật, tức là các văn bản pháp luật được ban hành, sẽ không thúc đẩy,

thậm chí, còn kìm hãm sự đổi mới sáng tạo của đất nước.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền và thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật ở nước ta hiện nay còn có thể tìm thấy trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Hiến pháp, pháp luật và quan điểm của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và về đổi mới sáng tạo ở Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời luôn đề cao vai trò của Hiến pháp, pháp luật. Trong tác phẩm “Việt Nam yêu cầu ca” (chuyển ngữ từ bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” - *Revendications du peuple Annamite*) do Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc đó, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc) ký gửi Hội nghị Véc-xây năm 1919⁹, đã khẳng định vị trí tối thượng của Hiến pháp và pháp luật trong Nhà nước Việt Nam độc lập trong tương lai: “Bây xin Hiến pháp ban hành. Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Không chỉ vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ ra những yêu cầu quan trọng với Hiến pháp và pháp luật khi cho rằng, Hiến pháp, pháp luật phải phản ánh và bảo đảm các giá trị phổ quát

9. Đinh Quang Thành, Văn Thanh Mai, “100 năm bản “Yêu sách của nhân dân An Nam””, Tạp chí Tuyên giáo, <https://tuyengiao.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/100-nam-ban-yeu-sach-cua-nhan-dan-an-nam-122240>, truy cập ngày 02/12/2024.

của nhân loại như dân chủ, bình đẳng và quyền con người: “Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ”¹⁰, “sự bình đẳng trong xã hội ở nơi pháp luật”, “dân chủ đúng đắn cũng ở nơi pháp luật”¹¹, “Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho Nhân dân lao động”¹²... Bên cạnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm tính dân chủ và sự tham gia của Nhân dân trong quá trình xây dựng Hiến pháp và pháp luật: “Bản Hiến pháp chúng ta sẽ thảo ra... phải tiêu biểu được các nguyện vọng của Nhân dân... Sau khi thảo xong, chúng ta cần phải trưng cầu ý kiến của Nhân dân cả nước một cách thật rộng rãi. Có như thế bản Hiến pháp của chúng ta mới thật sự là một bản Hiến pháp của Nhân dân, của chế độ dân chủ”¹³; “Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu trong mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và của Nhà nước”¹⁴.

Những tư tưởng trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Hiến pháp, pháp luật được Đảng quán triệt và vận dụng sáng tạo trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặc biệt, từ khi Đổi mới năm 1986 đến nay. Trong các văn kiện Đại hội khóa IV, V, VI và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, Đảng đã xác định Nhà nước phải có đủ quyền lực, khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật. Đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994), lần đầu tiên, Đảng chính thức sử dụng thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền” và nêu rõ: “Đó là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁵. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám (khóa VII) năm 1995 tiếp tục khẳng định chủ trương “xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam

10. Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 7.

11. Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 293, 299, 418.

12. Tạ Tự Bình, “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành tư pháp Việt Nam*”, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=634>, truy cập ngày 02/12/2024.

13. Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 510 - 511.

14. Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 71.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), “*Văn kiện Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII*”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 55.

quản lý xã hội bằng pháp luật”¹⁶. Chủ trương này sau đó tiếp tục được củng cố, cụ thể hóa trong các Đại hội Đảng, từ Đại hội khóa VIII (1996) đến Đại hội khóa XIII (2021), cũng như trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Để thực hiện chủ trương trên của Đảng, Hiến pháp năm 1992 trong lần sửa đổi năm 2001 đã bổ sung Điều 2, trong đó, nêu rõ: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân...”. Quy định này sau đó được kế thừa trong Điều 2 Hiến pháp năm 2013.

Nhìn từ góc độ cụ thể hơn, ngày 24/5/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48-NQ/TW). Nghị quyết đặt ra mục tiêu “đến năm 2020 xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân,

do Nhân dân và vì Nhân dân”, đồng thời, đặt ra yêu cầu “đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng pháp luật, bảo đảm tốt hơn tính dân chủ, pháp chế, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật; trong đó, các đạo luật ngày càng giữ vị trí trung tâm, trực tiếp điều chỉnh các quan hệ xã hội”. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, đất nước ta có một chiến lược xây dựng pháp luật với những giải pháp toàn diện, đồng bộ, thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực này.

Tiếp nối những chủ trương trên, Đại hội khóa XIII của Đảng nêu ra những định hướng cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong thời gian tới, trong đó, đặc biệt là việc “đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng được hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân là trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới”. Bên cạnh đó, Đại hội cũng đặt ra yêu cầu: “Nghiên

16. Nghị quyết số 08-NQ/HNTW ngày 23/01/1995 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính.

cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có Chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp”. Để thực hiện yêu cầu đó, ngày 09/11/2022, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 27-NQ/TW). Nghị quyết xác định 05 mục tiêu cần đạt được đến năm 2030 và 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp lớn cần thực hiện để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó có một mục tiêu và nhóm giải pháp riêng về hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật. Về hoàn thiện hệ thống pháp luật, Nghị quyết số 27-NQ/TW nêu ra những yêu cầu cụ thể, đó là¹⁷: xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới

sáng tạo. Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Nhất là, hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ; phát triển nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài; văn hóa, thông tin, truyền thông, thể thao, y tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn; tư pháp, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Liên quan đến đổi mới sáng tạo, mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh không trực tiếp dùng thuật ngữ này, nhưng tinh thần đổi mới sáng tạo thể hiện rất rõ trong phương pháp lãnh đạo. Biểu hiện sinh động nhất về tư tưởng đổi mới sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thực tiễn là không đi theo lối mòn của các phong trào yêu nước trước

17. Nhiệm vụ, giải pháp 3 Nghị quyết số 27-NQ/TW.

đó mà lựa chọn con đường kết hợp giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, từ đó, tạo ra bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam. Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 cũng phản ánh tư duy đổi mới sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi trích dẫn Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp, khéo léo sử dụng tư tưởng của chính những nước thực dân, đế quốc để bảo vệ chính nghĩa của dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất sáng tạo, linh hoạt trong quan hệ quốc tế, thông qua chính sách ngoại giao mềm dẻo “thêm bạn, bớt thù”, vừa đấu tranh vừa hòa giải để bảo vệ lợi ích dân tộc và xây dựng vị thế ngày càng cao của đất nước trên trường quốc tế. Nhìn từ góc độ khái quát nhất, tinh thần đổi mới sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở việc khi tiếp thu chủ nghĩa Marx - Lenin, không rập khuôn mà điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, luôn nhấn mạnh nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến” - lấy mục tiêu độc lập, tự do và hạnh phúc của dân tộc làm nguyên tắc bất biến, nhưng cách làm có thể thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng bối cảnh và giai đoạn.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đổi mới sáng tạo là một di sản quý báu, không chỉ phát huy giá trị trong quá khứ mà còn có ý nghĩa lớn trong sự nghiệp

xây dựng, phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Một điểm cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này cần ghi nhớ đó là: đổi mới sáng tạo không có nghĩa là phá bỏ cái cũ hoàn toàn, mà gồm kế thừa, điều chỉnh và phát triển để phù hợp với tình hình thực tế.

Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng nhận thức rõ vai trò quan trọng cũng như đã áp dụng tinh thần đổi mới sáng tạo trong suốt quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng từ khi thành lập (1930) đến nay. Bước vào thời kỳ Đổi mới năm 1986, tinh thần đổi mới sáng tạo của Đảng lại càng được phát huy. Bản thân việc khởi xướng công cuộc đổi mới chính là một trong những minh chứng sinh động nhất của tinh thần đổi mới sáng tạo trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của Đảng. Trong nhiều văn kiện gần đây, Đảng đã đề ra nhiều quan điểm và chính sách nhằm khuyến khích, thúc đẩy đổi mới sáng tạo hơn nữa, trên tất cả mọi mặt. Đại hội khóa XIII của Đảng (2021) lần đầu tiên đưa vào văn kiện cụm từ “đổi mới sáng tạo” với tư cách là một thuật ngữ riêng và xác định là một nội dung của đột phá chiến lược thứ nhất trong ba đột phá chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025. Cụ thể, Đảng nhấn mạnh việc “đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng

tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đề khoa học và công nghệ thực sự là động lực chính của tăng trưởng kinh tế”¹⁸. Gần đây nhất, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã khẳng định: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”. Trong thực tế, Đảng đang lãnh đạo Nhà nước hành động khẩn trương, kiên quyết để hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, xem đó là yếu tố then chốt để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Đảng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

và xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Nhờ vậy, trong thời gian qua, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2024, Việt Nam tiếp tục cải thiện thứ hạng, là dẫn chứng sinh động cho thấy kết quả của những nỗ lực to lớn của Đảng và Nhà nước trong vấn đề này.

Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gợi mở những nguyên tắc nền tảng về đổi mới sáng tạo trong hoạt động cách mạng nói chung, trong hoạt động xây dựng pháp luật nói riêng, thông qua tư tưởng của Người về vị trí, vai trò, mục đích của Hiến pháp, pháp luật và về sự linh hoạt, uyển chuyển trong xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tế. Kế thừa tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng đã phát triển một hệ thống quan điểm, đường lối toàn diện về đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối đó của Đảng vừa là gợi ý, vừa là yêu cầu với việc đổi mới tư duy xây dựng pháp luật ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*”, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

4. Thực trạng và phương hướng đổi mới tư duy xây dựng pháp luật để đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở nước ta hiện nay

Tiếp cận vấn đề một cách cụ thể, thực trạng tư duy xây dựng pháp luật được thể hiện sinh động qua thực trạng hệ thống pháp luật của đất nước.

Kể từ Đổi mới năm 1986, đặc biệt, từ sau Nghị quyết số 48-NQ/TW, công tác xây dựng pháp luật của nước ta đã đạt được những thành tựu rất to lớn. Nhà nước đã ban hành 02 bản Hiến pháp mới (Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001 và Hiến pháp năm 2013), sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hầu hết các bộ luật lớn, các đạo luật quan trọng, đồng thời, xây dựng, ban hành một hệ thống đồ sộ các văn bản dưới luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các đạo luật. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đã tham gia nhiều điều ước, thỏa thuận quốc tế và khu vực trên nhiều lĩnh vực. Nhìn chung, đến nay, Việt Nam đã có hệ thống pháp luật tương đối toàn diện và đồng bộ làm cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý xã hội. Hệ thống pháp luật đã phản ánh những nguyên tắc quan trọng của Nhà nước pháp quyền, cơ bản đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế của đất nước. Mặc dù vậy, trong

hoạt động xây dựng pháp luật còn một số tồn tại, hạn chế sau:

Thứ nhất, về phạm vi điều chỉnh của pháp luật: hệ thống pháp luật chưa thực sự đầy đủ, còn một số quan hệ xã hội quan trọng chưa có hoặc chưa đủ quy phạm pháp luật điều chỉnh. Ví dụ, một số vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động và mối quan hệ giữa các thiết chế trong hệ thống chính trị hay thực hiện các quyền con người, quyền công dân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013 nhưng đến nay chưa được luật cụ thể hóa; hay một số vấn đề kinh tế quan trọng như công nghiệp hỗ trợ, mô hình kinh doanh mới, sản phẩm kinh doanh mới trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... cũng chưa hoặc chậm được pháp luật điều chỉnh.

Thứ hai, về chất lượng của pháp luật: pháp luật về một số lĩnh vực còn thiếu tính ổn định, tính dự báo hạn chế, dẫn đến phải sửa đổi nhiều lần trong thời gian ngắn (tần suất sửa đổi cao), ví dụ, Luật Tổ tụng hành chính, Bộ luật Hình sự, Luật Đầu tư, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế... Bên cạnh đó, còn một số quy định pháp luật chưa sát với thực tiễn cuộc sống, chưa bảo đảm điều kiện, nguồn lực thực hiện hoặc chi phí tuân thủ pháp luật lớn, thậm chí, còn quy phạm

pháp luật thiếu hợp lý, gây vướng mắc, cản trở hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của xã hội, như một số quy định trong Luật Đất đai, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Giao dịch điện tử... Hạn chế về chất lượng của pháp luật còn thể hiện ở hệ thống văn bản pháp luật chồng chéo, với nhiều hình thức, do nhiều chủ thể ban hành, dẫn đến một số trường hợp trùng chéo, mâu thuẫn, khó áp dụng, chi phí tuân thủ cao. Thêm vào đó, nội dung của một số luật chỉ mang tính nguyên tắc, chưa đủ cụ thể để có thể thi hành, áp dụng được ngay nhưng việc ban hành văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành lại chậm, thậm chí, có quy định trái với nội dung của luật.

Những hạn chế kể trên đòi hỏi phải đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, cụ thể là cách tiếp cận trong một số vấn đề của hoạt động xây dựng pháp luật, gồm:

Một là, cần mở rộng quan niệm về nguồn của pháp luật. Ở Việt Nam, quan niệm về nguồn pháp luật hiện còn tương đối hẹp khi mới chỉ giới hạn trong các dạng: văn bản quy phạm pháp luật (nguồn chính), tập quán pháp, án lệ, điều ước quốc

tế mà Việt Nam đã tham gia và gần đây là lễ công bằng¹⁹.

Vì vậy, một trong những yêu cầu và cũng là định hướng đổi mới tư duy xây dựng pháp luật để xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở nước ta hiện nay là nghiên cứu mở rộng quan niệm về nguồn pháp luật theo hướng xem nguồn pháp luật là tất cả các căn cứ phù hợp mà được Nhà nước sử dụng làm cơ sở để điều hòa các mối quan hệ hay giải quyết các tranh chấp trong xã hội. Điều này sẽ góp phần giải quyết hạn chế về phạm vi điều chỉnh của pháp luật nước ta hiện nay.

Hai là, để giải quyết những hạn chế về chất lượng của pháp luật nước ta hiện nay, cần chú trọng hoàn thiện kỹ thuật xây dựng pháp luật, đặc biệt là xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá chất lượng văn bản pháp luật; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng pháp luật. Bên cạnh đó, do xây dựng pháp luật là công việc đòi hỏi tính chuyên môn và năng lực khoa học rất cao, cần chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, có chính sách đào tạo, lựa chọn những chuyên gia có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn sâu phù hợp để chuyên trách làm công

19. Khoản 2 Điều 6 Bộ luật Dân sự năm 2015.

tác soạn thảo, thẩm định, từ đó, góp phần nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật²⁰. Đồng thời, cần cải cách cơ chế tài chính để bảo đảm nguồn ngân sách đầy đủ, thích đáng cho công tác xây dựng pháp luật, xem đầu tư cho công tác xây dựng pháp luật là đầu tư cho phát triển (đầu tư kiến tạo thể chế phát triển).

Ba là, cần áp dụng đồng thời cả hai phương châm “đưa cuộc sống vào luật” và “đưa luật vào cuộc sống” trong hoạt động xây dựng pháp luật, trong đó, “đưa cuộc sống vào luật” để bảo đảm tính thực tế, còn “đưa luật vào cuộc sống” để bảo đảm tính định hướng, kiến tạo của luật²¹. Tính thực tế đòi hỏi hoạt động xây dựng pháp luật phải thực sự xuất phát từ nhu cầu của cuộc sống, từ sự cần thiết phải có sự tác động, can thiệp của Nhà nước vào các quan hệ xã hội, mà không chỉ đơn thuần từ mong muốn chủ quan, mang tính chất áp đặt của cơ quan nhà nước. Tính thực tế còn đòi hỏi khi Nhà nước ban hành quy phạm pháp luật cần dựa trên bằng chứng xác đáng về sự cần thiết, cũng như kết quả đánh giá chân thực, có thể kiểm định, về tác động của chúng với xã hội. Trong khi đó, tính định hướng, kiến tạo của hoạt

động xây dựng pháp luật đòi hỏi, trên cơ sở những dự báo khoa học về xu hướng diễn biến của các quan hệ xã hội, cần xây dựng các văn bản, quy phạm pháp luật có nội dung “nâng đỡ” sự phát triển của các quan hệ xã hội tốt đẹp và “vượt trước” để có thể kịp thời xử lý những quan hệ xã hội sẽ phát sinh trong tương lai, mà không phải chỉ luôn “quản lý” và thụ động chạy theo điều chỉnh các quan hệ xã hội đã phát sinh.

Bốn là, cần đặt ra yêu cầu nghiêm ngặt với việc đánh giá chi phí tuân thủ pháp luật trong hoạt động lập pháp, xem đó như là một nguyên tắc cơ bản trong quy trình xây dựng pháp luật, để bảo đảm tính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của bộ máy nhà nước cũng như của hệ thống chính trị ngay từ gốc. Chi phí tuân thủ pháp luật là toàn bộ những chi phí chính thức và không chính thức mà các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân phải bỏ ra để thực hiện đúng các quy định pháp luật trong quá trình tổ chức, hoạt động, sản xuất, kinh doanh và thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân. Hiện tại, do chưa được chú ý đúng mức, chi phí tuân thủ pháp luật ở nước ta là rất cao, đã

20. Phan Văn Lâm (2022), “Một số vấn đề đặt ra đối với đổi mới tư duy xây dựng pháp luật trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay”, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-doi-moi-tu-duy-lap-phap-trong-boi-canhh-xay-dung-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-o-nuoc-ta-hien-nay7517.html>, truy cập ngày 26/12/2024.

21. Phan Văn Lâm (2022), *tlđđ*.

trở thành rào cản đối với người dân, doanh nghiệp trong mọi hoạt động, kìm hãm sự đổi mới sáng tạo trong xã hội. Vì vậy, hoạt động xây dựng pháp luật cần chú trọng đến việc giảm thiểu chi phí tuân thủ pháp luật, thông qua việc bảo đảm các văn bản pháp luật được ban hành phải đáp ứng các yêu cầu sau: thủ tục hành chính đơn giản, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm thiểu giấy tờ và thời gian thực hiện; nội dung rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện, các quy trình, chi phí thực hiện công khai, minh bạch để tránh tình trạng những nhiễu, tiêu cực; giảm thiểu chi phí tài chính và chi phí cơ hội cho người dân và doanh nghiệp thông qua việc cắt bỏ các loại phí, lệ phí không cần thiết và bảo đảm thời gian giải quyết các thủ tục đúng hạn, tránh gây kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Để đạt được những yêu cầu đó, quy trình xây dựng pháp luật cần phải đánh giá đầy đủ tác động về chi phí tuân thủ đối với người dân, doanh nghiệp thông qua việc khảo sát, lấy ý kiến rộng rãi và chân thực những đối tượng chịu sự điều chỉnh, đồng thời, tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát để phòng ngừa, xử lý những hành vi lồng ghép “lợi ích nhóm” trong quá trình xây

dựng pháp luật.

Năm là, xét tổng quát, cần quán triệt và hiểu rõ những quan điểm định hướng về hệ thống pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã được đề ra tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và được tái khẳng định trong Nghị quyết số 27-NQ/TW, cụ thể: xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo²². Yêu cầu về tính dân chủ đòi hỏi hệ thống pháp luật phải được xây dựng một cách công khai, minh bạch, có sự tham gia của Nhân dân; nội dung của pháp luật phải phản ánh ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, phải ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của Nhân dân và các quyền con người, quyền công dân khác; pháp luật phải có các cơ chế để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ và các quyền dân chủ khác của mình, trong đó, gồm quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức

22. Nhiệm vụ, giải pháp 3 Nghị quyết số 27-NQ/TW.

trong các cơ quan nhà nước. Tính công bằng đòi hỏi hệ thống pháp luật phải ghi nhận và bảo đảm sự bình đẳng của mọi chủ thể trước pháp luật, trước Tòa án, đồng thời, phải tạo khung khổ pháp lý cho các chủ thể khác nhau trong xã hội đều có cơ hội phát huy năng lực của mình, góp phần phát triển đất nước; pháp luật là cơ sở và tiêu chí để phân phối công bằng mọi sản phẩm xã hội. Tính nhân đạo đòi hỏi hệ thống pháp luật phải lấy con người làm mục tiêu trọng tâm, lấy việc bảo vệ, bảo đảm quyền con người là nội dung cốt lõi của các quy phạm pháp luật, đặc biệt là bảo vệ, bảo đảm quyền và lợi ích của các nhóm xã hội yếu thế. Tính đầy đủ, kịp thời đòi hỏi hệ thống pháp luật phải sớm được ban hành và phải thường xuyên được điều chỉnh tùy theo diễn biến của xã hội, để cung cấp những quy tắc, hướng dẫn hành xử cần thiết, cập nhật cho các cơ quan nhà nước và các chủ thể khác trong xã hội. Tính đồng bộ, thống nhất đòi hỏi các quy tắc, hướng dẫn pháp lý phải cụ thể, rõ ràng, nhất quán, không mâu thuẫn với nhau và không gây ra nhầm lẫn về cách hiểu với các chủ thể trong xã hội. Tính công khai, minh bạch đòi hỏi các văn bản, quy phạm pháp luật khi được ban hành phải được công bố rộng rãi, kịp thời để mọi chủ thể trong xã hội đều có thể biết và thực hiện; nội dung của các văn bản, quy

phạm pháp luật phải được thể hiện bằng ngôn ngữ phổ thông, rõ ràng, dễ hiểu với đối tượng chịu sự tác động. Tính khả thi đòi hỏi mọi văn bản, quy phạm pháp luật không được chứa đựng những điều kiện, đòi hỏi không thể thực hiện được với chủ thể có nghĩa vụ tuân thủ. Tính ổn định đòi hỏi nội dung của các văn bản, quy phạm pháp luật phải dễ tiên liệu với mọi chủ thể và không bị thay đổi một cách tùy tiện. Tính dễ tiếp cận đòi hỏi các văn bản, quy định pháp luật phải được tập hợp, sắp xếp và lưu giữ hợp lý, thuận tiện cho việc tra cứu của cá nhân, tổ chức có nhu cầu tìm hiểu và tuân thủ pháp luật.

Riêng việc thực hiện yêu cầu hệ thống pháp luật phải đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo đã được cụ thể hóa ngay trong Nghị quyết số 27-NQ/TW, thông qua hướng dẫn về đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật: “Quy định rõ hơn quy trình xây dựng chính sách, phân định rõ quy trình xây dựng pháp luật và quy trình xây dựng văn bản dưới luật. Phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể, đặc biệt là Chính phủ trong quy trình xây dựng pháp luật. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính

trị - xã hội và Nhân dân, chuyên gia, nhà khoa học tham gia xây dựng pháp luật. Hoàn thiện cơ chế phản biện xã hội, giải trình và tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Bảo đảm đồng bộ, kịp thời trong xây dựng chính sách, pháp luật giữa Quốc hội với Chính phủ, giữa các bộ, giữa Trung ương và địa phương. Đa dạng hóa nguồn pháp luật, đề cao và coi trọng đạo luật, đơn giản hóa, giảm tầng nấc, loại hình văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Xác định đúng, rõ các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất sử dụng hình thức pháp lệnh để ban hành quy phạm pháp luật; luật hóa đến mức tối đa những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Tăng cường xây dựng các đạo luật có nội dung cụ thể, hiệu lực trực tiếp; khắc phục tình trạng luật thiếu tính ổn định, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong công tác xây dựng pháp luật”. Việc thực hiện tốt những định hướng này của Nghị quyết số 27-NQ/TW cũng sẽ góp phần giải quyết

những hạn chế về chất lượng của pháp luật nước ta hiện nay.

Kết luận

Việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở nước ta trong giai đoạn mới đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục củng cố, nâng cấp hệ thống pháp luật theo những tiêu chuẩn toàn diện và rất cao so với thực tế hiện nay. Điều đó trước hết đòi hỏi phải đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, bởi thực tế cho thấy, những hạn chế của hệ thống pháp luật nước ta hiện nay đều trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến tư duy xây dựng pháp luật.

Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật là nhiệm vụ khó khăn nhưng cấp bách ở nước ta hiện nay. Cơ sở lý luận của đổi mới tư duy xây dựng pháp luật đã được thể hiện trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Hiến pháp, pháp luật, về đổi mới sáng tạo và trong quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong giai đoạn mới. Để đổi mới tư duy xây dựng pháp luật đòi hỏi quyết tâm chính trị cao và nỗ lực của nhiều cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, trong đó, quan trọng nhất là Quốc hội và Chính phủ - những cơ quan nhà nước có quyền hạn, trách nhiệm

chính trong hoạt động lập pháp. Với quyết tâm chính trị cao như hiện nay, quá trình đổi mới sáng tạo nói chung, đổi mới tư duy xây dựng pháp luật nói riêng ở nước ta sẽ thành công và đất nước ta sẽ có cơ hội phát triển bứt phá mạnh mẽ và bền vững trong thời gian tới □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), “*Văn kiện Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII*”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*”, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 4, Tập 5, Tập 10, Tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
4. Đinh Quang Thành, Văn Thanh Mai, “*100 năm bản “Yêu sách của nhân dân An Nam”*”, Tạp chí Tuyên giáo, <https://tuyengiao.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/100-nam-ban-yeu-sach-cua-nhan-dan-an-nam-122240>, truy cập ngày 02/12/2024.
5. Phan Văn Lâm (2022), “*Một số vấn đề đặt ra đối với đổi mới tư duy xây dựng pháp luật trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay*”, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-doi-moi-tu-duy-lap-phap-trong-boi-canhh-xay-dung-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-o-nuoc-ta-hien-nay7517.html>, truy cập ngày 26/02/2024.
6. Tạ Tỵ Bình, “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành tư pháp Việt Nam*”, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=634>, truy cập ngày 02/12/2024.
7. Geoffrey de Q. Walker (1988), “*The Rule of Law: Foundation of Constitutional Democracy*”, Melbourne: Melbourne University Press.
8. OED, https://en.oxforddictionaries.com/definition/rule_of_law, truy cập ngày 02/12/2024.
9. UN Security Council (2004), “*The rule of law and transitional justice in conflict and post-conflict societies: report of the Secretary-General*”, đoạn 6, <http://www.refworld.org/docid/45069c434.html>, truy cập ngày 02/12/2024.
10. WJP, “*Civil Justice*”, <https://worldjusticeproject.org/rule-of-law-index/factors/2020/Civil%20Justice/>, truy cập ngày 02/12/2024.
11. WJP, “*WJP Rule of Law Index Factors*”, <https://worldjusticeproject.org/rule-of-law-index/factors/2022>, truy cập ngày 02/12/2024.
12. World Justice Project, “*What is the Rule of Law?*”, <https://worldjusticeproject.org/about-us/overview/what-rule-law>, truy cập ngày 02/12/2024.